



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 23 (từ 04/06 – 08/06/2018)



ĐIỂM TIN

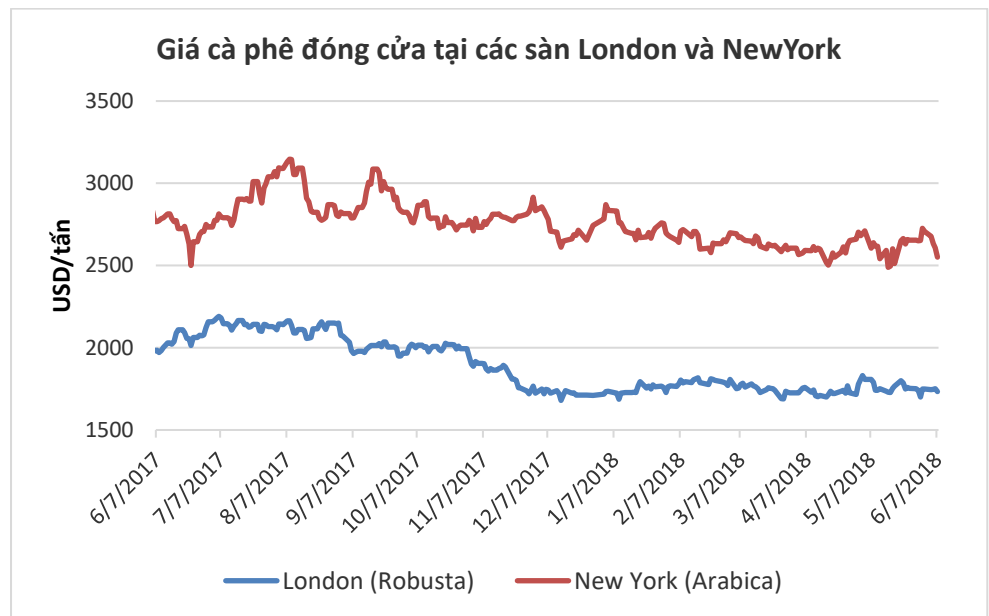
Giá Robusta kỳ hạn tuần này tăng nhẹ so với tuần trước

Giá Arabica kỳ hạn tuần này giảm 2,3% so với tuần trước

Xuất khẩu cà phê tháng 5/2018 tại Brazil, Indonesia và Honduras giảm, trong khi tại Colombia tăng

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.744 USD/tấn, tăng 6 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 9,88% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.751 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.733 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.617,4 USD/tấn, giảm 2,3% so với tuần trước và thấp



hơn 8,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 2.679 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.551 USD/tấn [1].

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) báo cáo xuất khẩu cà phê toàn cầu tháng 4/2018 đạt 10,18 triệu bao, tăng 7,10% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, lũy kế xuất khẩu cà phê toàn cầu 7 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 70,65 triệu bao, tăng 1,2% so với cùng kỳ niên vụ trước [2].

Bộ Thương mại Brazil báo cáo xuất khẩu cà phê tháng 5 của Brazil đạt 1.413.717 bao, giảm 38,42% (882.306 bao) so với cùng kỳ năm ngoái, nguyên nhân chủ yếu do tình trạng đình công kéo dài 10 ngày của tài xế xe tải [4].

Liên đoàn người trồng cà phê Colombia cho biết, sản lượng cà phê thu hoạch trong tháng 5/2018 của nước này đạt 1,19 triệu bao, tăng 31,85% so với cùng kỳ năm ngoái. Đồng thời, xuất khẩu cà phê của Colombia trong tháng 5 cũng tăng 14,4% lên mức 961 nghìn bao, đưa mức lũy kế xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 8,8 triệu bao, giảm 4,39% so với cùng kỳ niên vụ trước do xuất khẩu 7 tháng đầu niên vụ giảm liên tục [4].

Xuất khẩu cà phê tại Indonesia trong tháng 5 đạt 74.193 bao, giảm mạnh 73,5% (205.780 bao) so với cùng kỳ năm ngoái. Lũy kế xuất khẩu cà phê Indonesia trong 8 tháng đầu niên vụ 2017/18 đạt 884.096 bao, giảm 68,71% so với cùng kỳ niên vụ trước [4].

Viện Cà phê Quốc gia Honduras (IHCAFE) cho biết, xuất khẩu cà phê nước này trong tháng 5 đạt 805.166 bao, giảm 20% so với cùng kỳ năm ngoái. Như vậy, lũy kế xuất khẩu cà phê 8 tháng đầu niên vụ 2017/18 của Honduras đạt 4,96 triệu bao. Theo ước tính của IHCAFE, xuất khẩu cà phê trong 4 tháng cuối niên vụ cà phê này sẽ đạt 2,44 triệu bao, đưa tổng xuất khẩu cà phê Honduras niên vụ 2017/18 đạt 7,4 triệu bao [2].



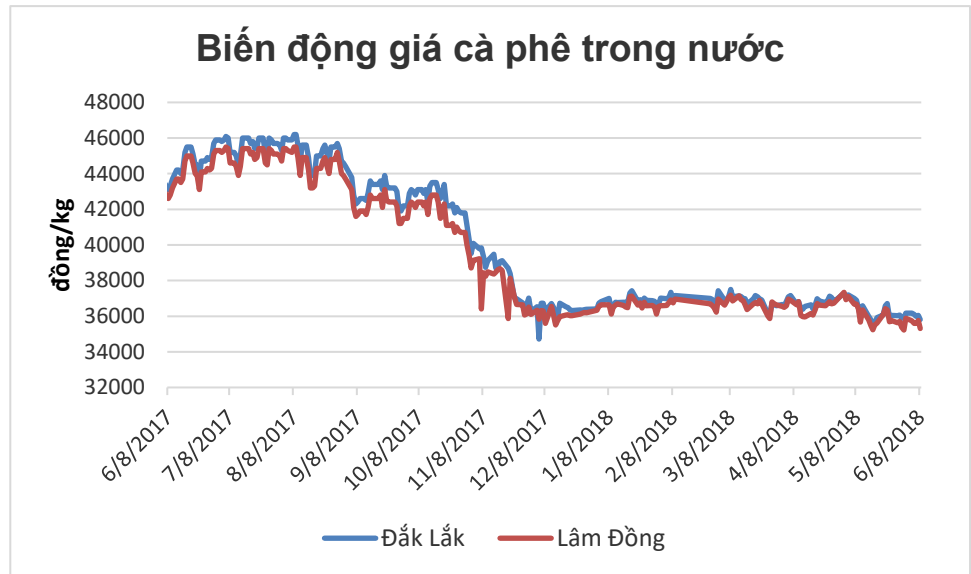
ĐIỂM TIN

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên tăng nhẹ theo xu hướng giá cà phê Robusta trên sàn London

Giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) giảm nhẹ

Tổng cục Thống kê ước tính xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2018 tăng 1,8%

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này tăng nhẹ so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 36.026 đ/kg, tăng 13 đồng so với tuần trước và vẫn thấp hơn 15,6% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê 37 đồng lên mức 35.600 đ/kg, vẫn thấp hơn 15,5% so với cùng kỳ năm trước [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.605 USD/tấn, giảm 1 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 21,4% so với cùng kỳ năm 2017 [7].

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, ước tính xuất khẩu cà phê Việt Nam tháng 5/2018 đạt 2,33 triệu bao, đưa lũy kế xuất khẩu cà phê 5 tháng đầu năm 2018 đạt 13,75 triệu bao, kim ngạch thu về đạt 1,6 tỷ USD, tăng 1,8% về lượng nhưng giảm 12% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái [4].

Theo nhận định của nhiều chuyên gia, một trong những nguyên nhân giá cà phê xuất khẩu Việt Nam giảm liên tục trong thời gian gần đây là do các nhà xuất khẩu chưa có phương án kinh doanh đối phó với quyết định của sàn giao dịch cà phê Robusta London về việc chuyển điều kiện giao hàng qua lan can tàu (FOB - Free on board) sang giao hàng lên xe tải/tàu hỏa (FOT - Free on truck/train) vào tháng 7 tới dù quyết định này đã được



thông báo từ năm 2016. Theo đó, nếu người bán giao hàng theo FOT thì sẽ phải chịu thêm ít nhất 35 USD/tấn với chi phí lưu kho bãi, hao hụt trong quá trình vận chuyển, thủ tục xuất hàng lên xe tải/tàu hỏa... Như vậy, dự kiến trong thời gian tới dù giá cà phê trên sàn kỳ hạn London tăng lên thì giá cà phê trong nước cũng không tăng mạnh như kỳ vọng của nông dân hiện nay [10].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://greencoffeeassociation.org/>
- [4]. <https://scasa.co.za/blogs/market-reports>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>
- [9]. <https://tintaynguyen.com/nong-nghiep/>
- [10]. Reuters



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.067	36.000	35.867	36.033	35.833	43
Ea H'leo (xôvối)	36.133	36.067	35.933	35.967	35.733	-8
Krông Năng (xôvối)	36.167	36.067	36.033	36.075	35.833	68
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.375	36.300	36.200	36.400	36.200	45
Ea H'leo (xôvối)	36.400	36.400	36.300	36.300	36.000	-95
Krông Năng (xôvối)	36.400	36.300	36.200	36.200	36.000	95
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.667	35.367	35.333	35.667	35.067	62
Lâm Hà (xôvối)	36.000	35.900	35.900	36.000	35.800	162
Đà Lạt (xôchè)	48.667	48.333	47.750	47.667	47.667	-608
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	36.167	35.867	35.833	36.167	35.567	62
Lâm Hà (xôvối)	36.650	36.600	36.600	36.700	36.400	115
Đà Lạt (xôchè)	50.667	50.333	49.667	49.667	49.667	-563
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	35.950	36.000	36.000	36.100	35.750	156
Đắk R'Lấp (xôvối)	35.933	35.833	35.900	35.933	35.533	68
Đắk Song (xôvối)	36.050	35.950	35.950	36.050	35.650	55
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.350	36.350	36.400	36.500	36.050	205
Đắk R'Lấp (xôvối)	36.267	36.167	36.233	36.233	35.867	70
Đắk Song (xôvối)	36.400	36.300	36.300	36.400	36.000	55



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.033	35.967	35.900	35.900	35.533	-92
Pleiku (xôvối)	36.100	36.000	35.967	36.000	35.600	-92
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.150	36.083	36.000	36.000	35.650	-86
Pleiku (xôvối)	36.200	36.100	36.067	36.100	35.700	-92
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.733	35.600	35.589	35.767	35.311	117
Đắk Hà (xôvối)	36.000	35.943	35.894	35.969	35.639	64
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	36.294	36.178	36.167	36.344	35.856	96
Đắk Hà (xôvối)	36.314	36.246	36.210	36.292	35.928	61

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGRO INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

